TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TP. HÀ NỘI** **--------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc **----------**

Bản án số: **61**/2019/HS - ST
Ngày: 17/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘICHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Bà Nguyễn Thị Hoài***

Các Hội thẩm nhân dân : ***1. Ông Vũ Văn Thang – Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu***

2. Ông Nguyễn Tùng Mậu – Nghề nghiệp: Bộ đội nghỉ hưu

Thư ký phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Phương*** - Thư ký Tòa án nhân dânhuyện T, TP Hà Nội

Đại diện VKSND huyện T - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Lê Đức Phương - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2019/HS- ST ngày 18/4/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST - HS ngày 03/5/2019 đối với các bị cáo:

1. TRỊNH VĂN T, sinh năm 1984; HKTT + Chỗ ở hiện nay: Xóm 3, xã L, thành phố P, Tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn H và bà Lại Thị L; có vợ là Vũ Thị H và 03 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Ngày 09/4/2011, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Ninh Bình xử 24 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (án số 20/HSST) (Danh chỉ bản số 00426 lập ngày 05/11/2018 tại Công an huyện T); Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 02/11/2018, hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 09/11/2018, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt tại phiên tòa.

2. ĐOÀN VĂN L, sinh ngày 15/9/2001 (khi phạm tội bị cáo 17 tuổi 1 tháng 18 ngày); HKTT + Chỗ ở: Thôn 6, xã B, huyện B, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động

tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn H và bà Quách Thị A; Tiền án, tiền sự: Không (Danh chỉ bản số 00427 lập ngày 05/11/2018 tại Công an huyện T); Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 02/11/2018, hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 09/11/2018, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt tại phiên tòa.

* Người đại diện theo pháp luật của bị cáo: Chị Quách Thị A; sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn 6, xã B, huyện B, Hà Nội (là mẹ đẻ của bị cáo) – có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Trọng V – Công ty luật TNHH A – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 02/11/2018, Đoàn Văn L rủ Trịnh Văn T mỗi người góp 150.000đồng để mua 300.000đồng ma túy đá về sử dụng chung. T dùng điện thoại của mình gọi cho người đàn ông tên H để hỏi mua ma túy và được H hẹn giao ma túy tại khu vực đường P, huyện T, Hà Nội nên T dùng xe máy BKS 90H1 – 3061 chở L đến khu vực cầu H, đường P, huyện T, Hà Nội đợi H. Khoảng 20 phút sau thì H đến. L trực tiếp vào gặp H còn T ở ngoài chờ. L đưa cho H 500.000đồng để mua 300.000đồng ma túy. H đưa lại cho L 01 gói ma túy đá nhưng không đưa lại cho L 200.000đồng tiền thừa vì H không có tiền lẻ trả lại. L đưa lại gói ma túy cho T. T cầm gói ma túy ở tay trái và điều khiển xe chở L về phòng trọ.

Đến 22h45’ cùng ngày 02/11/2018, tổ công tác Đội nghi lễ PK20E Công an thành phố Hà Nội làm nhiệm vụ tại đường Y, xã T, huyện T, Hà Nội tiến hành kiểm tra hành chính đối với T và L. T thả gói ma túy đang cầm từ lòng bàn tay trái xuống đất gần nơi T đứng thì bị tổ công tác phát hiện. Tại chỗ, T khai là ma túy đá T và L vừa mua để sử dụng nên tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ của T: 01 gói chứa tinh thể màu trắng, 01 xe máy nhãn hiệu SURUMA BKS 90H1 – 3061; 01 điện thoại di động Samsung J2 và 500.000đồng; thu giữ của L 01 điện thoại di động Itel – P51 màu vàng và 1.500.000đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 8585/KLGĐ - PC09 ngày 09/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon là ma túy loại Methaphetamine, tổng khối lượng 0,298gam. Cơ quan giám định đã sử dụng hết 0,029gam, hoàn trả công an huyện T 0,269 gam Methaphetamine.

Tại cơ quan điều tra, Trịnh Văn T, Đoàn Văn L khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Đối với người thanh niên tên H bán ma túy cho L và T, T khai không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này. Quá trình điều tra chưa xác định được người đàn ông như T đã khai báo. Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách phần hồ sơ liên quan đến đối tượng H để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SURUMA, BKS 90H1 – 3061 là xe của anh Trần Văn H cho T mượn. Anh H không biết T dùng vào việc đi mua ma túy nên Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe cho anh H.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung J2 và 500.000đồng thu giữ của T là tài sản của T. Chiếc điện thoại T dùng để liên lạc mua ma túy nên tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Itel – P51 màu vàng và 1.500.000đồng là tài sản của cá nhân L, không sử dụng vào việc mua bán ma túy nhưng tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định.

Bản cáo trạng số 44/CT - VKSTT ngày 20/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Trịnh Văn T và Đoàn văn L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

* Bị cáo Trịnh Văn T và Đoàn văn L thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là đúng. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Áp dụng khoản 1 điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh Văn T; khoản 1 điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điều 91, điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn văn L, xử phạt:

+ Bị cáo Trịnh Văn T từ 15 - 21tháng tù;

+ Bị cáo Đoàn Văn L từ 12- 15 tháng tù;

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ của các bị cáo;

- Trả lại bị cáo T số tiền 500.000đồng; Trả lại bị cáo L số tiền 1.500.000đồng và chiếc điện thoại nhãn hiệu Itel P51;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại Samsung J2 thu giữ của bị cáo T.

* Luật sư Nguyễn Trọng V (người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn L) lập luận: Bị cáo L khi phạm tội mới 17 tuổi 1 tháng 18 ngày nên nhận thức còn có hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 91, điều 101 và điều 65 Bộ luật hình sự áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất đối với bị cáo L và cho bị cáo L được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh của các bị cáo: Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Khoảng 22 giờ 45 phút ngày 02/11/2018, tại khu vực đường C thuộc thôn Y, xã T, huyện T, Hà Nội, Trịnh Văn T và Đoàn Văn L đã có hành vi cất giấu 0,298gam Methaphetamine để sử dụng thì bị Tổ công tác Đội nghi lễ PK20E - Công an thành phố Hà Nội và Công an Đồn C - Công an huyện T bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự . Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo ra trước Tòa án để xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sự độc quyền của nhà nước về quản lý các chất ma túy. Ma túy là chất gây nghiện huỷ hoại sức khoẻ con người, làm sói mòn đạo đức xã hội và là nguyên nhân gây ra các tội phạm hình sự khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự đối với các bị cáo và cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo các bị cáo và giáo dục phòng ngừa chung cho mọi người.

[3] Về vai trò của các bị cáo: Bị cáo L là người khởi xướng việc mua ma túy sử dụng chung. Bị cáo L dùng số tiền 500.000đồng của mình và trực tiếp giao dịch mua ma túy; bị cáo T là người liên lạc hỏi mua ma túy, trực tiếp cầm số ma túy trong người nên xác định bị cáo L có vai trò cao hơn bị cáo T. Tuy nhiên, bị cáo Đoàn Văn L phạm tội khi dưới 18 tuổi nên áp dụng nguyên tắc xử lý người chưa

thành niên phạm tội được quy định tại điều 91, điều 101 Bộ luật hình sự , mức hình phạt đối với bị cáo L dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về nhân thân bị cáo: Bị cáo L chưa có tiền án, tiền sự; Bị cáo T có 01 tiền án (đã được xóa).

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015: «Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng » . Xét các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, Bị cáo L dưới 18 tuổi. Để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Số ma túy thu giữ của các bị cáo có trọng lượng còn lại sau giám định 0,269 gam Methaphetamine là chất nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu SURUMA biển kiểm soát 90H1 – 3061, quá trình điều tra xác đinh chủ sở hữu là của anh Trần Văn H. Anh H cho T mượn không biết T sử dụng vào việc mua ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trao trả anh H chiếc xe. Anh H đã nhận lại xe, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung J2 thu giữ của bị cáo T, bị cáo sử dụng để liên lạc mua ma túy nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Số tiền 500.000đồng thu giữ của bị cáo T là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại bị cáo.

- Số tiền 1.500.000đồng và chiếc điện thoại di động Itel P51 thu giữ của bị cáo L là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho T tên là H, T khai không biết tên, tuổi, địa chỉ. Quá trình điều tra chưa xác định được người đàn ông có tên như T khai báo. Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách phần hồ sơ, tài liệu liên quan đến đối tượng H để điều tra xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí HSST theo các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo; người đại diện theo pháp luật, người bào chữa của bị cáo L có quyền kháng cáo bản án theo Điều 331, 334 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Các Bị cáo Trịnh Văn T, Đoàn Văn L phạm tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy».

2. Áp dụng: Khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh Văn T

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn T **15 (mười lăm)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 02/11/2018 đến ngày 09/11/2018).

*** Áp dụng:** khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1điều 51; điều 54; điều 91 và điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn L.

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Văn L **10 (mười)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 02/11/2018 đến ngày 09/11/2018).

3. Về áp dụng biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự :

- Tịch thu tiêu hủy 0,269gam Methaphetamine (trọng lượng còn lại sau khi giám định) thu giữ của các bị cáo.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động Samsung J2 thu giữ của bị cáo Trịnh Văn T

- Trả lại bị cáo Đoàn Văn L chiếc điện thoại di động Itel P51 màu vàng (có kèm theo sim)

(Các vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/4/2019).

- Trả lại bị cáo Trịnh Văn T 500.000đồng; trả lại bị cáo Đoàn Văn L 1.500.000đồng hiện đang gửi tại tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện T

tại Kho bạc nhà nước huyện T theo ủy nhiệm chi số 37 ngày 16/5/2019 của Công an huyện T.

4. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333Bộ luật tố tụng hình sự:

- Các Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

- Chị Quách Thị A (người đại diện theo pháp luật của bị cáo Đoàn Văn L); Luật sư Nguyễn Trọng V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoài

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân H. T, TP Hà Nội;*
- *Công an huyện T, TP Hà Nội;*
- *Cơ sở giam giữ;*
- *Cơ quan Thi hành án hình sự H.T, Hà Nội;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự H. T, Hà Nội;*
- *Bị cáo.*